

Bản án số: 72/2018/HSST
Ngày: 25-6-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T, THÀNH PHỐ H

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Mỹ

Các Hội thẩm nhân dân:

- 1/ Ông Lê Nguyên Khánh- Bí thư đoàn thanh niên
- 2/ Bà Phạm Thị Nhung- Giáo viên Trung tâm chính trị
quận T.

Thư ký Tòa phiên tòa: Bà Ngô Thị Thùy Trang – Thư ký Tòa án nhân dân
quận T, thành phố H

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T, thành phố H tham gia phiên tòa:
Bà Phan Ngọc Minh – Kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 06 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận T, xét xử sơ
thẩm vụ án Hình sự thụ lý số 74/2018/HSST ngày 28 tháng 05 năm 2018, theo
Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 84/2018/QĐXXST-HS ngày 06/06/2018 đối
với bị cáo:

1. Phạm Văn Đ; sinh năm: 1997; tại N; thường trú: Thôn L, xã H, huyện
N, tỉnh N; chỗ ở: không có nơi ở nhất định; nghề nghiệp: không; trình độ học
vấn: 06/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Thiên Chúa; quốc tịch: Việt
Nam; con ông Phạm Văn B và bà Nguyễn Thị H; chưa có vợ, con.

Nhân thân bị can:

Từ nhỏ sống cùng gia đình, đi học đến lớp 6 thì nghỉ ở nhà.

Tiền án: Bản án 165/2015/HSST ngày 25/6/2015 bị Tòa án nhân dân quận
Tân B xử phạt 2 năm 6 tháng tù về tội Cướp giật tài sản, chấp hành xong hình
phạt tù từ ngày 21/01/2017.

Tiền sự: Không.

Tạm giam: Ngày 03/01/2018. Có mặt.

2. Phạm Văn K; sinh năm: 1996; tại N; thường trú: Thị trấn N, huyện N,
tỉnh N; chỗ ở: số 3 đường C1, phường 13, quận Tân B, Thành phố H; nghề
nghiệp: Sửa xe; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo:
Thiên Chúa; quốc tịch: Việt Nam; không rõ tên cha và bà Phạm Thị V; chưa có
vợ, con.

Nhân thân bị can:

Từ nhỏ sống cùng gia đình, đi học đến lớp 10 thì nghỉ và làm nghề sửa xe.

Tiền án, tiền sự: Không.

Tạm giam: Ngày 03/01/2018- Có mặt.

Người bị hại:

Bà Phan Thị Huyền E, sinh năm 1989; trú tại: 12 Y, phường H, quận T, Tp. H. Vắng mặt

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Lê Thị Thu H, sinh năm 1999; trú tại: 273 H, phường 2, quận Tân B, Tp. H. Có mặt

2. Bà Trần Thị Ngọc T, sinh năm 1995; trú tại: 172 Đường M1, phường B, quận B, Tp. H. Có mặt

3. Doanh nghiệp tư nhân thương mại K – Ông Nguyễn Quang K chủ doanh nghiệp, địa chỉ số 16-25 H, phường 9, quận P, Tp. H. Vắng mặt

4. Anh Nguyễn Ngọc S, địa chỉ K282/10 L, phường T, quận T, Tp. Đ- Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ 15 phút ngày 03/01/2018, Phạm Văn K điều khiển xe gắn máy hiệu Yamaha Exciter biển số 43S6-2917 chở Phạm Văn Đ lưu thông trên đường L hướng ra ngã tư H thì thấy chị Phan Thị Huyền E đang điều khiển xe gắn máy lưu thông phía trước cùng chiều, trên thân kính chiếu hậu bên trái có treo 01 túi xách màu đen nên K chỉ cho Đ thấy và rủ Đ chiếm đoạt, Đ đồng ý. Khi đến trước số 629 L, phường P, quận T, K điều khiển xe áp sát từ phía sau bên trái của chị E, để Đ dùng tay phải giật chiếc túi xách rồi tăng ga bỏ chạy. Lúc này, anh Nguyễn Trọng N và Nguyễn Đức H chứng kiến sự việc nên đuổi theo K và Đ qua nhiều tuyến đường. Khi đến trước số 42 T, phường H, quận T, Đ ném túi xách xuống rồi cả hai tiếp tục bỏ chạy đến ngã tư T– K thì bị anh N, anh H cùng tổ trình sát hình sự bắt giữ quả tang giao cho Công an phường P xử lý.

Tại Cơ quan điều tra, Đ và K đã thừa nhận hành vi phạm tội như trên.

Theo kết luận định giá số 73/KL – H Đ DDGTS-TTHS ngày 20/04/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự - Ủy ban nhân dân quận T: 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone6 màu trắng bạc, trị giá 5.000.000 đồng; 01 túi xách màu đen kích thước 40cmx30cm trị giá 150.000 đồng. Tổng cộng 5.150.000 đồng.

Vật chứng thu giữ:

- 01 túi xách màu đen bên trong có: 01 ĐTDĐ hiệu iphone 6 màu trắng bạc, số imei 359303065901337, 01 cuốn tập, 01 cuốn sách, 01 chiếc bóp vải, 01 giấy chứng minh nhân dân, 01 giấy phép lái xe, 01 thẻ nhân viên đều mang tên Phan Thị Huyền E, hiện Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị Phan Thị Huyền E.

- 01 xe gắn máy hiệu Yamaha Exciter biển số 43S6-2917, số khung: 006617, số máy không xác định được. Phạm Văn K khai mượn xe của Lê Thị Thu H để đi công việc. Về nguồn gốc của xe, chị H khai mua tại Cửa hàng xe gắn máy 16 thuộc Doanh nghiệp tư nhân thương mại K (số 16 H, phường 9, quận P) do anh N làm chủ, có làm giấy mua bán xe nhưng chưa sang tên. Trong quá trình sử dụng, do lốc máy bị hư nên chị H đã đến khu vực chợ T, Quận 5 (không nhớ địa chỉ) thay lốc máy khác để sử dụng. Ngày 03/01/2018, chị H cho K mượn, không biết K dùng làm phương tiện cướp giật. Qua xác minh được biết: Vào tháng 06/2015, anh K đã bán nhà số 16 H, phường 9, quận P, ngừng kinh doanh và sang Pháp định cư nên không lấy được lời khai. Qua xác minh biển số xe thấy trùng khớp với số khung của xe và được biết do anh Nguyễn Ngọc S (địa chỉ K282/10 L, phường T, quận T, Tp. Đ) đứng tên sở hữu, nhưng hiện nay anh S không còn cư ngụ tại địa phương, đi đâu không rõ nên Cơ quan điều tra chưa làm việc được.

- 01 ĐTDĐ hiệu Nokia RM-1187 màu đen số imei 354890085582886 thu của Phạm Văn K.

- 01 ĐTDĐ hiệu Iphone 7 Plus màu đen, số imei 359175072935361; 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen, số imei 354896087455286, thu của Phạm Văn Đ. Đ khai mượn ĐTDĐ hiệu Iphone 7 Plus của bạn tên Trần Thị Ngọc T để sử dụng.

Tại bản cáo trạng số 81/CT-VKS ngày 23 tháng 05 năm 2018, Viện kiểm sát nhân dân quận T đã truy tố bị cáo Phạm Văn K về tội: "Cướp giật tài sản" theo điểm d khoản 2 Điều 171 và Phạm Văn Đ về tội: "Cướp giật tài sản" theo điểm d, i khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015 .

Tại phiên Tòa:

- Sau khi kết thúc phần thủ tục xét hỏi, Đại diện viện kiểm sát nhân dân quận T giữ quyền công tố và kiểm sát xét xử tại phiên tòa, phát biểu ý kiến giữ nguyên quan điểm như nội dung bản cáo trạng đã truy tố, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Văn K từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù.

Áp dụng điểm d, i khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Văn Đ từ 04 năm đến 05 năm tù.

- Các bị cáo Phạm Văn Đ và Phạm Văn K thống nhất với tội danh và khung hình phạt như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận T đã truy tố, không có ý kiến tranh luận, không có oan sai chỉ đề nghị Hội đồng xét xử, xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử vụ án. Điều tra viên, Kiểm sát viên, khi thực hiện hành vi cũng như ban hành các Quyết định tố tụng đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố

tụng khác, không người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong vụ án này đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án và phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác và hình ảnh, nhận dạng của bị hại và nhân chứng, và các chứng cứ khác được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Qua đó đã có đủ cơ sở để xác định: Khoảng 21 giờ 15 phút ngày 03/01/2018, Phạm Văn K điều khiển xe gắn máy hiệu Yamaha Exciter biển số 43S6-2917 chở Phạm Văn Đ lưu thông trên đường L hướng ra ngã tư H thì thấy chị Phan Thị Huyền E đang điều khiển xe gắn máy lưu thông phía trước cùng chiều, trên thân kính chiếu hậu bên trái có treo 01 túi xách màu đen nên K rủ Đ chiếm đoạt, Đ đồng ý. Khi đến trước số 629 L, phường P, quận T, K điều khiển xe áp sát từ phía sau bên trái của chị E, để Đ dùng tay phải giật chiếc túi xách rồi tăng ga bỏ chạy. Lúc này, anh Nguyễn Trọng N và Nguyễn Đức H chứng kiến sự việc nên đuổi theo K và Đ đến trước số 42 T, phường H, quận T, bắt giữ quả tang giao cho Công an phường P xử lý. Đ và K đã thừa nhận hành vi phạm tội như trên.

Vì vậy đã có đủ căn cứ kết luận bị cáo Phạm Văn Đ và Phạm Văn K phạm tội “Cướp giật tài sản”, như bản cáo trạng đã truy tố. Do các bị cáo sử dụng xe gắn máy làm phương tiện để cướp giật điện thoại của người bị hại, nên Viện kiểm sát nhân dân quận T truy tố bị cáo theo điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015. Đối với Phạm Văn Đ mới chấp hành án xong bản án số 165/2015/HSST ngày 25/6/2015 bị Tòa án nhân dân quận Tân Bình xử phạt 2 năm 6 tháng tù về tội "Cướp giật tài sản" vào ngày 21/01/2017 chưa được xóa án tích nay tiếp tục phạm tội cướp giật tài sản nên lần này phạm tội là tái phạm nguy hiểm theo điểm i khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015 là có cơ sở, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân, gây mất an ninh trật tự ở địa phương. Bản thân các bị cáo nhận thức được hành vi cướp giật tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng xuất phát từ động cơ tư lợi, muốn có tiền tiêu xài nhưng không muốn bỏ công sức lao động nên bị cáo đã cố ý phạm tội. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội một cách táo bạo và liều lĩnh. Lợi dụng sơ hở của người bị hại, công khai cướp giật, chiếm đoạt tài sản ngay trên đường giao thông, chứng tỏ ý thức xem thường pháp luật của bị cáo.

[3] Về nhân thân:

Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo Đ vì bị cáo đã bị tòa án xét xử một lần nhưng vẫn cố tình vi phạm pháp luật thể hiện không hối cải, đối với bị cáo K là người rủ rê bị cáo Đ phạm tội xét vai trò là người rủ rê nên cần có mức án cao hơn đối với bị cáo Đ nên Hội đồng xét xử xét thấy cần phải có mức án nghiêm khắc tương xứng với hành vi phạm tội, mới có tác dụng răn đe giáo dục đối với các bị cáo và đảm bảo công tác phòng ngừa chung trong xã hội. Tuy nhiên cũng xem xét bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, tài sản đã thu hồi trả cho bị hại chưa gây thiệt hại ngoài ra bị cáo K phạm tội lần đầu, ăn năn hối

cải, nên áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo theo điểm h, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Tài sản bị chiếm đoạt trong vụ án 01 túi xách màu đen bên trong có: 01 ĐTDĐ hiệu iphone 6 màu trắng bạc, 01 cuốn tập, 01 cuốn sách, 01 chiếc bóp vải, 01 giấy chứng minh nhân dân, 01 giấy phép lái xe, 01 thẻ nhân viên đều mang tên Phan Thị Huyền E chị E đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bồi thường gì thêm, nên Hội đồng xét xử không giải quyết thêm.

[5] Về xử lý vật chứng. Vật chứng trong vụ án gồm có:

- 01 xe gắn máy hiệu Yamaha Exciter biển số 43S6-2917, số khung: RLCE1S9206Y006617, số máy không xác định được. Phạm Văn K khai mượn xe của Lê Thị Thu H để đi công việc. Về nguồn gốc của xe, chị H khai mua tại Cửa hàng xe gắn máy 16 thuộc Doanh nghiệp tư nhân thương mại K ở P do anh Nguyễn Quang K làm chủ, có làm giấy mua bán xe nhưng chưa sang tên. Trong quá trình sử dụng, do lốc máy bị hư nên chị H đã đến khu vực chợ T, Quận 5 (không nhớ địa chỉ) thay lốc máy khác để sử dụng. Ngày 03/01/2018, chị H cho K mượn, không biết K dùng làm phương tiện cướp giật. Xét là tài sản mua hợp pháp của chị Lê Thị Thu H, không liên quan đến vụ án xét nên trả lại cho chị H.

- 01 ĐTDĐ hiệu Nokia RM-1187 màu đen số imei 354890085582886, thu của Phạm Văn K. Bị cáo không sử dụng vào mục đích phạm tội xét trả lại cho bị cáo.

- 01 ĐTDĐ hiệu Iphone 7 Plus màu đen, số imei 359175072935361 Đ khai mượn ĐTDĐ hiệu Iphone 7 Plus của bạn tên Trần Thị Ngọc T để sử dụng, xét là tài sản hợp pháp của chị T nên trả lại cho chị T.

- 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen, số imei 354896087455286, thu của Phạm Văn Đ. Bị cáo không sử dụng vào mục đích phạm tội xét trả lại cho bị cáo.

[6] Án phí: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH

[1] Tuyên bố bị cáo Phạm Văn Đ và Phạm Văn K phạm tội: "Cướp giật tài sản"

- Áp dụng Điểm d, i khoản 2 Điều 171; điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Phạm Văn Đ 04 (bốn) năm tù.

Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, ngày 03 tháng 01 năm 2018.

- Áp dụng Điểm d khoản 2 Điều 171; điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Phạm Văn K 03(ba) năm 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, ngày 03 tháng 01 năm 2018.

[2] Áp dụng Khoản 2, Khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

- Trả lại cho chị Lê Thị Thu H 01 xe gắn máy hiệu Yamaha Exciter biển số 43S6-2917, số khung: RLCE1S9206Y006617, chị H phải đến cơ quan nhà nước để làm thủ tục đăng ký lại chủ sở hữu chiếc xe theo quy định của pháp luật.

- Trả lại cho Phạm Văn K 01 ĐTDĐ hiệu Nokia RM-1187 màu đen số imei 354890085582886.

- Trả lại cho chị Trần Thị Ngọc T 01 ĐTDĐ hiệu Iphone 7 Plus màu đen, số imei 359175072935361

- Trả lại cho Phạm Văn Đ 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen, số imei 354896087455286.

(Theo Phiếu nhập kho vật chứng số 50/PNK ngày 08 tháng 01 năm 2018 tại kho vật chứng Công an quận T).

[3] Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo Phạm Văn Đ và Phạm Văn K mỗi bị cáo nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[4] Các bị cáo, chị Trần Thị Ngọc T và chị Lê Thị Thu H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Tp. H; (1)
- Viện kiểm sát nhân dân quận T; (3)
- Văn phòng Cơ quan CSĐT; (1)
- Sở Tư pháp TP. H; (1)
- Trại giam và Bị cáo; (2)
- Thị hành án dân sự quận T; (1)
- Thị hành án hình sự; (2)
- Người bị hại; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (2)
- Lưu, hồ sơ. (3)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN -CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Ngọc Mỹ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Ngọc Mỹ